TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/04/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Quân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Hồng Xuân
2. Ông Bùi Văn Hoà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Nguyệt** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T; sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn MH, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn H; sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn MH, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2023, cũng như bản tự khai ngày 17/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/01/2007. Sau khi kết hôn thì vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, anh H không tu trí làm ăn, bài bạc

làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau lúc ốm đau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn H.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Quang TH, sinh ngày 27/10/2007. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con vì từ khi ly thân đến nay cháu vẫn ở với chị và chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh H nhưng anh H không có ý kiến trình bày quan điểm về việc chị T có đơn xin ly hôn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh H vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có ý kiến của anh H trong hồ sơ vụ án. Chị T có đơn đề nghị tòa không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) công bố những ý kiến của đương sự có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn H. Về con chung: giao cháu Bùi Quang TH, sinh ngày 27/10/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và học tập của cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con đây là ý trí của chị trên cơ sở chị cân nhắc về khả năng tài chính đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị tòa án chấp nhận. Về tài sản, công nợ chung các bên không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn H; sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn MH, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong vụ án có con chưa thành niên và quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện Kiểm sát được biết để tham gia phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Văn H được biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T nhưng anh H không trình bày ý kiến và đồng thời vắng mặt không có lý do tại phiên họp. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H, do anh H không có mặt tại phiên họp nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/01/2007. Việc đăng ký kết hôn của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì xảy phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa. Việc này cũng đã được Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thành Minh, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, anh H không trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không có mặt để tham gia hòa giải, phiên tòa chứng tỏ anh có thái độ bỏ mặc không quan tâm đến ý kiến và nguyện vọng của chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T và anh H đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Quang TH, sinh ngày 27/10/2007. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con vì từ khi ly thân đến nay cháu vẫn ở với chị, theo nguyện vọng cháu cũng mong muốn được ở với mẹ. Để thuận tiện cho việc học tập, chăm sóc con chung, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt, cũng như xem xét về lợi ích chính đáng của các cháu. Vì vậy, HĐXX nhận thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anhh Hòa cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị là tự nguyện, phù hợp nên được tòa án chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không trình bày ý kiến của mình nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang TH, sinh ngày 27/10/2007 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì quyền lợi của người chưa thành niên, anh H, chị T có quyền thay đổi nuôi con, điều kiện cấp dưỡng nuôi con khi đủ điều kiện và căn cứ hợp pháp.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007925 ngày 16/01/2023, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh H. Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TM;
-Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quân